

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
1		Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ¹	Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025.	Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn	Căn cứ theo Điều 1 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm
1.2	Chương trình MTQG	Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định	Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
	giảm nghèo bền vững ²	mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025.	mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	2026-2030.	nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026- 2030; áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.
1.3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ³	Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm (gồm ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai		- Điều chỉnh để phù hợp với việc sáp nhập địa giới hành chính giữa tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) thành tỉnh Gia Lai (mới) và theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.
2		Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
2.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn	1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã	1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã;	1. Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà	Căn cứ theo Điều 2 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
	mới	và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình. 2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.	2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.	nước để thực hiện Chương trình. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.	Chính phủ: 1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương); các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là địa phương) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1. Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.	1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình MTGG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.		2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.
2.3	Chương trình MTQG	1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân	1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
	phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	<p>dân các huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.</p>	<p>dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.</p>		
3		Điều 3. Nguyên tắc phân bổ	Điều 3. Nguyên tắc phân bổ	Điều 3. Nguyên tắc phân bổ	
3.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	<p>1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc</p>	<p>Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện</p>	<p>1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương</p>	<p>Căn cứ theo Điều 3 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo quyền chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.</p> <p>3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí (trừ 20 xã thuộc khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi</p>	<p>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.</p>	<p>trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;</p> <p>2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;</p> <p>3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ;</p> <p>4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình hằng</p>	<p>bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;</p> <p>2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ;</p> <p>3. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đã được Quốc hội thông qua, ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo nguyên tắc sau:</p> <p>a) Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, ưu tiên các địa phương nhận bổ sung cân đối từ 70% trở lên;</p> <p>b) Các địa phương tự cân</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 90/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 - sau đây gọi tắt là các xã đặc biệt khó khăn).</p> <p>4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.</p> <p>5. Hỗ trợ các huyện thực hiện</p>		<p>năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân kế hoạch vốn năm trước.</p>	<p>đối ngân sách có trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cấp huyện giai đoạn 2021-2025.</p> <p>6. Địa phương chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.</p> <p>7. Bố trí vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành và địa phương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>			
3.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.	1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các cấp.</p> <p>3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo.</p> <p>4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết</p>	<p>nước và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Việc phân bổ vốn phải thực hiện theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn quy định tại Quy định này.</p> <p>3. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thị xã, thành phố; trọng tâm là các huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.</p> <p>4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh</p>		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.</p> <p>5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.</p>	<p>Gia Lai, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.</p>		
3.3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	<p>1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa</p>	<p>1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và</p>		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Phân bổ vốn cần bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm,</p>	<p>tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Ưu tiên bố trí thêm ngân sách địa phương để thực hiện một số lĩnh vực sau:</p> <p>a) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN).</p> <p>b) Phát triển dân cư vùng biên giới; ổn định dân cư vùng đồng bào DTTS&MN (ưu tiên cho địa bàn đặc biệt khó khăn), chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng và quy hoạch, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư phù hợp với cảnh quan, địa hình khu vực và đặc điểm kiến trúc của</p>		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.</p> <p>4. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các</p>	<p>đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>c) Huy động trẻ em trong độ tuổi đi học đến lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; tổ chức tốt việc dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo, học sinh; đảm bảo đào tạo nghề nông thôn có địa chỉ và nhu cầu học tập của mọi người; dạy tiếng nói, chữ viết các DTTS.</p> <p>d) Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng tỉnh Gia Lai giàu bản sắc văn hóa dân tộc.</p> <p>3. Ngân sách tỉnh đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho cả Chương trình theo tỷ lệ được quy định tại Quyết định số</p>		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.</p> <p>5. Ngân sách trung ương phân bổ vốn kế hoạch hằng năm cho các địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.</p> <p>6. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p>	<p>39/2021/QĐ-TTg.</p> <p>4. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>5. Các sở, ban, ngành và địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp chung, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban Dân tộc theo quy định.</p> <p>6. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền</p>		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
			thông qua và khả năng cân đối ngân sách hàng năm; ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.		
4		Điều 5: Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương	Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương	Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương	
4.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho 93 xã (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 là 113 xã trừ 20 xã đặc biệt khó khăn) thực hiện Chương trình tính đến hết năm 2021, như sau: a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0. b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0. c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.	1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố theo đối tượng xã Hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn) như sau: a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0. b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu	Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và số xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau: a) Thôn đặc biệt khó khăn	Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ 1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các địa phương theo khoản này được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>2. Hệ số phân bổ cho 02 huyện Tây Sơn và Phù Mỹ thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cao gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p>	<p>chí: Hệ số 3,0. c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0. 2. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các huyện theo đối tượng huyện a) Huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021- 2025: Hệ số 20,0. b) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai lựa chọn 02 huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 để được hỗ trợ từ vốn ngân sách trung ương đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh. Các huyện chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định pháp luật. 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã thuộc đối tượng</p>	<p>vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1. b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50. c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40. d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30. đ) Xã còn lại: Hệ số 25. Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.</p>	<p>dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã An toàn khu (sau đây viết tắt là ATK), xã biên giới, xã đảo, đặc khu và các xã còn lại) của địa phương. Mức phân bổ vốn của từng địa phương theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, xã tương ứng của địa phương, cụ thể như sau: a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1; b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã ATK, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50; c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
			<p>ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này</p> <p>Hệ số phân bổ cho các xã dựa vào số tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường chưa đạt chuẩn của các xã theo kết quả đánh giá Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới của từng xã năm 2021 (gồm: Các tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 17.1, 17.4 và 17.5 tại Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg), cụ thể:</p> <p>Xã có ít nhất một tiêu chí trong các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường chưa đạt chuẩn: Hệ số phân bổ cao gấp 1,5 lần so với các xã được quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Tiêu chí phân bổ cho các Chương trình chuyên đề, Chương trình vốn vay ADB thực hiện theo quy định tại</p>		<p>d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30;</p> <p>đ) Xã còn lại: Hệ số 25.</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
			khoản 4, khoản 5 Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg .		
4.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	<p>1. Quy mô dân số của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2021.</p> <p>2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.</p> <p>4. Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15</p>	<p>1. Quy mô dân số, hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ vào số liệu công bố tại Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.</p> <p>2. Các tiêu chí, hệ số được xây dựng có tính tương đối, hài hòa, phù hợp với thực tế tại địa phương. Trường hợp huyện, thị xã, thành phố đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.</p>		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.</p>			
4.3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách (gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng sở, ban, ngành và từng huyện được tổng hợp từ vốn phân bổ theo tỷ lệ %, tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung được quy định từ Điều 6 đến Điều 15 của Quy định này.	<p>1. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh được tổng hợp từ vốn phân bổ cho từng Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh theo tỷ lệ % quy định trong tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung của Quy định này.</p> <p>2. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các địa phương được tổng hợp từ vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung</p>		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
			<p>thứ i của địa phương đó theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung cho các địa phương được xác định như sau:</p> <p>Vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương K =</p> <p>(Tổng vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i – vốn phân bổ cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i) : (Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của tất cả các địa phương) x Điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ I của địa phương K ($X_{K,i}$)</p>		
5		Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương		Điều 5. Mức bố trí vốn đối ứng, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương	
5.1	Chương	Giai đoạn 2021-2025, ngân	Không quy định	1.Mức bố trí vốn đối ứng	1.Căn cứ theo khoản 2

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
	trình MTQG xây dựng nông thôn mới	sách địa phương tập trung đầu tư, hỗ trợ cho các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; các huyện thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Trong đó, hằng năm vốn đối ứng ngân sách tỉnh ưu tiên hỗ trợ cho các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; đối với các xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện theo Chính sách hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.		ngân sách địa phương: Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí địa phương tối thiểu bằng 1,25 lần (125%) tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.	Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách địa phương so với tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho địa phương thực hiện Chương trình được xác định trên cơ sở tổng điểm của từng địa phương theo các tiêu chí: (1) Điểm theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương: Tỉnh Gia Lai tỷ lệ nhận hỗ trợ ngân sách trung ương năm 2026 là 35,4% (thuộc khoảng từ 30% đến dưới 40%): 130 điểm ; (2) Điểm theo quy mô số xã: Tỉnh Gia Lai có 110 xã (thuộc địa phương có từ 100 xã trở lên): -5 điểm ; (3) Điểm theo tỷ lệ
5.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	Không quy định	Không quy định		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
5.3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	Không quy định	Không quy định	<p>2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ thường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó tập</p>	<p>nghèo đa chiều: Tỉnh Gia Lai có tỷ lệ nghèo đa chiều 6,75% (thuộc khoảng từ 5% đến dưới 10%): 3 điểm; (4) Điểm theo quy mô dân số dân tộc thiểu số: Tỉnh Gia Lai có 833.278 người DTTS (thuộc khoảng từ 700.000 đến dưới 1.000.000 người): - 3 điểm; Tổng điểm của tỉnh Gia Lai là 125 điểm (130-5+3-3) → Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai là 1,25 lần (125%) tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương. 2.Căn cứ khoản 3 Điều 7 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ: Địa phương có trách nhiệm bố trí vốn ngân</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
				<p>trung ưu tiên hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào DTTS trên địa bàn; hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào DTTS trên địa bàn; thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực; rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.</p>	<p>sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên hỗ trợ phường khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS&MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy định tại Phụ lục III Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
				<p>b) Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch/phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.</p> <p>c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào DTTS trên địa bàn. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ ở các cấp; tổ chức hoặc tham gia Hội nghị, hội thảo thuộc Chương trình. Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm. Thực hiện các hoạt động truyền thông,</p>	<p>b) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới phần đầu đạt nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được hỗ trợ cho xã để đạt chuẩn nông thôn mới);</p> <p>c) Thực hiện xây dựng tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;</p> <p>d) Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác ở cấp tỉnh, cấp xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
				<p>tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Phát triển du lịch nông thôn. Tổ chức thực hiện các Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm. Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Gia Lai). Thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng</p>	

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
				<p>nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Các hoạt động nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.</p> <p>3. Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương</p> <p>3.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã, phường</p> <p>Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo, số xã, phường thuộc kế</p>	<p>3.Đề xuất hệ số phân bổ vốn ngân sách địa phương</p> <p>Hệ số phân bổ vốn ngân sách địa phương, ưu tiên hỗ trợ cho các thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, hải đảo; đồng thời ưu tiên hỗ trợ xã thuộc kế hoạch thực hiện/phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt nông thôn mới hiện đại giai</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
				<p>hoạch/phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã, phường được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau:</p> <p>a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.</p> <p>b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và xã, phường thực hiện/phân đầu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.</p> <p>c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN và xã, phường thực hiện/phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.</p> <p>d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.</p> <p>đ) Xã, phường còn lại: Hệ số</p>	<p>đoạn 2026-2030 nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra đến năm 2030, toàn tỉnh có tối thiểu 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại; còn lại hỗ trợ cho xã, phường để thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và xây dựng nông thôn mới.</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH <i>(trước sắp xếp)</i>	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI <i>(trước sắp xếp)</i>	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
				<p>25. Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.</p> <p>3.2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường: Thực hiện tương tự theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.</p> <p>3.3. Đối với các sở, ban, ngành của tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ cho các sở, ban, ngành không vượt quá 10% tổng vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện Chương trình.</p>	

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
6		Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương		Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương	
6.1	Chương trình MTQG xây dựng NTM	<p>1. Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.</p> <p>2. Giai đoạn 2022-2025, ngân sách địa phương đối ứng thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này, cụ thể như sau:</p> <p>2.1. Đối với huyện thực hiện phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao</p> <p>a) Huyện Tây Sơn: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70%, ngân</p>	Không quy định	<p>1. Phương pháp xác định tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương</p> <p>Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng cho cấp xã thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hằng năm; việc xác định mức đối ứng được thực hiện theo phương pháp tính điểm trên cơ sở các tiêu chí sau:</p> <p>a) Điểm số được xác định theo tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh năm 2026 của xã, phường (bằng tổng số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã phường/Tổng chi</p>	<p>1. Đề xuất mới nội dung để phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp.</p> <p>2. Vận dụng theo quy định khoản 2 Điều 8 Quyết định số: 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ: Tiêu chí xác định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo căn cứ vào 4 chỉ tiêu: (1) tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương năm 2026 của tỉnh, thành phố; (2) quy mô số xã; (3) tỷ lệ nghèo đa chiều; (4)</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>b) Huyện Phù Mỹ: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>c) Huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ gấp 2 lần so với mức vốn trung ương và tỉnh hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 và tối đa 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>2.2. Đối với các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025</p> <p>a) Đối với 20 xã đặc biệt khó khăn thuộc các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Tây Sơn và Hoài Ân (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg</p>		<p>cân đối ngân sách xã, phường) (Căn cứ theo Nghị Quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026)</p> <p>-Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 90% trở lên: 20 điểm;</p> <p>-Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 80% đến dưới 90%: 40 điểm;</p> <p>Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 70% đến dưới 80%: 50 điểm</p> <p>-Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 60% đến dưới 70%: 70 điểm;</p> <p>-Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh từ 50% đến dưới 60%: 80 điểm;</p> <p>-Xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách tỉnh dưới 50%: 90 điểm.</p> <p>b) Điểm số được xác định</p>	<p>quy mô dân số dân tộc thiểu số.</p> <p>3. Dự thảo Nghị quyết của tỉnh đề xuất tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương dựa trên 3 chỉ tiêu: (1) tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh năm 2026 của xã, phường; (2) tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2025 của xã, phường; (3) dân số dân tộc thiểu số của xã, phường.</p>

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. - Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn có đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 tương đương với mức hỗ trợ của các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh. Hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên 		<p>dựa trên tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2025 của xã, phường (Theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai):</p> <ul style="list-style-type: none"> -Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 30% trở lên: -5 điểm; -Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 20% đến dưới 30%: -3 điểm; -Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 10% đến dưới 20%: 0 điểm; Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều từ 5% đến dưới 10%: 3 điểm; Xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 5%: 5 điểm. 	

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>b) Đối với các xã còn lại thuộc 3 huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>c) Đối với các xã thuộc 02 huyện Tây Sơn và Hoài Ân: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>d) Đối với các xã thuộc các huyện còn lại: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>đ) Đối với các xã thuộc các thị xã: Vốn ngân sách trung</p>		<p>c) Điểm số được xác định dựa trên dân số dân tộc thiểu số của xã, phường (Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã tính đến hết năm 2025)</p> <p>Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 20.000 người trở lên: -5 điểm;</p> <p>Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 14.000 người đến dưới 20.000 người: -3 điểm;</p> <p>Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 8.000 người đến dưới 14.000 người: 0 điểm.</p> <p>Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số từ 2.000 người đến dưới 8.000 người: 3 điểm;</p> <p>Xã, phường có dân số dân tộc thiểu số dưới 2.000 người: 5 điểm.</p> <p>2. Phương pháp xác định tổng điểm và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách xã, phường</p> <p>a) Tổng số điểm của từng xã, phường được tính căn cứ các tiêu chí ở khoản 1</p>	

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 40%; ngân sách thị xã, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.</p> <p>e) Đối với các xã thuộc thành phố Quy Nhơn: Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 30%; ngân sách thành phố, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại; ngân sách tỉnh không hỗ trợ.</p>		<p>Điều này là căn cứ xác định mức tỷ lệ đối ứng của ngân sách xã, phường.</p> <p>b) Phương pháp xác định tổng điểm:</p> <p>Tổng điểm của từng xã, phường được xác định bằng tổng đại số số điểm theo các tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này, theo công thức sau:</p> $T = A + B + C$ <p>Trong đó:</p> <p>T: Tổng điểm của xã, phường</p> <p>A: Điểm theo tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ ngân sách</p>	

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
6.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	<p>Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, các huyện, thị xã, thành phố bố trí vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, trong đó: Ngân sách tỉnh đối ứng phần kinh phí của các sở, ban, ngành của tỉnh và hỗ trợ đối ứng cho cấp huyện, cụ thể như sau:</p> <p>1. Các huyện miền núi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão: Ngân sách huyện đối ứng</p>	<p>Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và việc phân bổ vốn phải theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này.</p>	<p>tỉnh năm 2026 của xã, phường;</p> <p>B: Điểm theo tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2025 của xã, phường;</p> <p>C: Điểm theo dân số dân tộc thiểu số.</p> <p>Xã, phường có tổng điểm cao hơn thì áp dụng tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách xã, phường cao hơn; xã, phường có tổng điểm thấp hơn thì áp dụng tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách xã, phường thấp hơn.</p> <p>b) Sau khi xác định tỷ lệ vốn đối ứng và dự kiến kinh phí đối ứng của ngân sách xã, phường, đối với các xã, phường có số kinh phí đối ứng bình quân hàng năm cao hơn tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, phường, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của xã, phường đó</p>	

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>10%, ngân sách tỉnh đối ứng 90%.</p> <p>2. Các huyện trung du Hoài Ân, Tây Sơn: Ngân sách huyện đối ứng 30% ngân sách tỉnh đối ứng 70%.</p> <p>3. Các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ: Ngân sách huyện đối ứng 50%, ngân sách tỉnh đối ứng 50%.</p> <p>4. Các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn: Ngân sách thị xã đối ứng 60%, ngân sách tỉnh đối ứng 40%.</p> <p>5. Đối với thành phố Quy Nhơn: Ngân sách thành phố đối ứng 70%, ngân sách tỉnh đối ứng 30%.</p>		<p>sẽ được điều chỉnh bằng 0. (Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, phường theo Phụ lục 9: Cân đối và bổ sung ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường theo Nghị Quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026).</p>	
6.3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	<p>1. Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình và thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này, cụ thể như sau:</p> <p>a) Đối với nguồn vốn của</p>	Không quy định		

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>Chương trình giao cho các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện: Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.</p> <p>b) Đối với nguồn vốn của Chương trình giao cho các huyện tổ chức thực hiện.</p> <p>- Đối với huyện miền núi: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 90% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình;</p> <p>- Đối với các huyện còn lại: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 70% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình; ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng tối</p>			

STT	Tên Chương trình	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (trước sắp xếp)	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TỈNH GIA LAI (trước sắp xếp)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ	THUYẾT MINH
		<p>thiếu bằng 30% trong tổng số 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.</p> <p>2. Các địa phương bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đối với các địa phương không bố trí đủ vốn đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch năm sau sẽ trừ tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của địa phương.</p>			

¹ Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

² Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025.

Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

³ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định;

Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định kèm theo nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định;

Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.